

Bản án số: 06/2020/DS -ST  
Ngày 14/8/2020  
V/v “Yêu cầu trả lại tài sản cho  
Nhà nước”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Nguyên Thoại

Bà Vũ Thị Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Triệu Thế H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc: “Yêu cầu trả lại tài sản cho Nhà nước” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐ-ST ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Y

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân T, chức vụ: Phó Chánh Thanh tra thành phố Lào Cai. Địa chỉ: Số nhà 591, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1953 và bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ: Tổ 15, phường Bình M (cũ), nay là Tổ 20, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Hữu H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 15, phường Bình M (cũ), nay là Tổ 20, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Hộ ông Đỗ Văn M, vợ là Đinh Thị Đ có địa chỉ tại Tổ 15, phường Bình M (cũ) nay là nay là Tổ 20, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 7.658m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên diện tích này thuộc diện di chuyển để giải phóng mặt bằng dự án quản lý, cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ môi trường, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Lào Cai là chủ dự án. Vì vậy UBND thành phố Lào Cai đã ban hành Quyết định thu hồi đất và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, trong đó có hộ ông Đỗ Văn M, vợ là Đinh Thị Đ lần đầu theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 với số tiền 1.561.760.155 đồng, UBND thành phố Lào Cai đã chi trả cho hộ ông Đỗ Văn M đầy đủ số tiền bồi thường trên vào ngày 08/6/2016. Tuy nhiên sau khi UBND thành phố kiểm tra lại và đối chiếu với các quy định hiện hành thì phát hiện việc áp giá đền bù là chưa chính xác nên đã có Quyết định để điều chỉnh giảm số tiền 217.938.600đ. Ngoài ra theo Kết luận thanh tra số 615/KL-STC ngày 28/12/2018 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai, UBND thành phố Lào Cai ban hành Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 tiếp tục điều chỉnh giảm trừ của hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ số tiền 64.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hộ ông Đỗ Văn M bị giảm trừ là 282.738.600 đồng. UBND thành phố Lào Cai đã nhiều lần có văn bản yêu cầu hộ ông Đỗ Văn M phải hoàn trả số tiền trên cho Nhà nước nhưng hộ ông Đỗ Văn M không thực hiện. Vì vậy UBND thành phố Lào Cai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Đỗ Văn M phải hoàn trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

- Đối với bị đơn là ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hữu H (là thành viên trong hộ gia đình ông M). Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi Tòa án đến tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều từ chối nhận các văn bản tố tụng, không hợp tác để giải quyết vụ án và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do vì vậy Tòa án không lấy được lời khai, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về nội dung tranh chấp.

- Tại buổi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có mặt nguyên đơn, các đương sự khác vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, về quan điểm giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600 đồng; Về tiền lãi chậm thi hành án, nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự; Nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 101, 102, 103, 164, 166, 212, 288, 579, 580 Bộ luật Dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 187; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai về buộc hộ ông Đỗ Văn M (gồm ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ và anh Đỗ Hữu H) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600 đồng. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quyền khởi kiện: Nguyên đơn là UBND thành phố Lào Cai khởi kiện yêu cầu hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600 đồng. Hiện nay bị đơn có địa chỉ tại Tổ 15, phường Bình M (cũ) nay là Tổ 20, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 187 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đối với sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc từ chối này có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố và chính quyền địa phương nơi bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.]. Xác định số tài sản của Nhà nước bị chiếm hữu:

Ngày 10/5/2016 Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai ban hành Quyết định số 1080/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Phương án quản lý, cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ Khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường tại phường Bình M, thành phố Lào Cai*”. Căn

cứ quyết định trên có 40 hộ gia đình thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng để thi công xây dựng công trình, trong đó hộ ông Đỗ Văn M, vợ là Đinh Thị Đ có địa chỉ tại Tổ 15, phường Bình M (cũ) nay là nay là Tổ 20, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 7.658m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên diện tích này thuộc diện di chuyển để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án vì vậy UBND thành phố Lào Cai đã ban hành Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ cùng với đó là xây dựng Phương án chi tiết để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó tổng số tiền hộ ông Đỗ Văn M và bà Đinh Thị Đ được bồi thường, hỗ trợ là 1.561.760.155đ (Một tỷ, năm trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng). Đến ngày 08/6/2016 hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ đã nhận đủ số tiền hỗ trợ, bồi thường 1.561.760.155đ. Tại Kết luận thanh tra số 615/KL-STC ngày 28/12/2018 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai và Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai tiếp tục điều chỉnh giảm trừ của hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ số tiền 64.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hộ ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ bị giảm trừ là 282.738.600 đồng. Số tiền này là tài sản của Nhà nước vì vậy UBND thành phố Lào Cai đã nhiều lần có văn bản yêu cầu hộ ông Đỗ Văn M phải hoàn trả số tiền trên cho Nhà nước nhưng hộ ông Đỗ Văn M không thực hiện và không hợp tác để giải quyết vụ việc. UBND thành phố Lào Cai khởi kiện Tòa án giải quyết buộc hộ ông Đỗ Văn M phải hoàn trả cho Nhà nước số tiền đã chiếm hữu là 282.738.600 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

[2.2]. Xét căn cứ của việc chiếm hữu tài sản: Điều 165 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về Chiếm hữu có căn cứ pháp luật: *“1. Chiếm hữu có căn cứ pháp luật là việc chiếm hữu tài sản trong trường hợp sau đây:*

- *Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản;*
- *Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản;*
- *Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật;*
- *Người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;*
- *Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;*
- *Trường hợp khác do pháp luật quy định.*

*2. Việc chiếm hữu tài sản không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật”.*

Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì tài sản hộ ông Đỗ Văn M đang chiếm hữu là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước và việc chiếm hữu tài sản Nhà nước của hộ ông M là không có căn cứ pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại các

Điều 164, 165, 166, 579, 580 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc hộ gia đình ông Đỗ Văn M có nghĩa vụ trả cho Nhà nước tổng số tiền: 282.738.600đ (Hai trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

[3]. Về xác định nghĩa vụ của các thành viên trong hộ gia đình ông Đỗ Văn M: Tại Biểu xác nhận ngày 11/3/2016 về “Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp và nhân khẩu trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp công trình quản lý, cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ môi trường khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường xác nhận vào thời điểm bồi thường hộ ông Đỗ Văn M có 03 nhân khẩu gồm ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ và anh Đỗ Hữu H là những người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, khi nhận tiền bồi thường ông M đứng ra làm đại diện gia đình để ký nhận tiền bồi thường. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không hợp tác để giải quyết vụ án do đó Tòa án không xác M được phần nghĩa vụ của từng thành viên đối với số tiền phải hoàn trả. Vì vậy cần buộc hộ ông Đỗ Văn M (gồm ông M, bà Đ và anh H) cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Nhà nước số tài sản đã chiếm hữu là phù hợp theo quy định tại các Điều 101, 102, 103, 212, 288 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi chậm thi hành án: Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn không phải nộp án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 14 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 187; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 101, 102, 103, 164, 166, 212, 288, 579, 580 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc hộ ông Đỗ Văn M (gồm các thành viên ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ và anh Đỗ Hữu H) phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Nhà nước số tiền 282.738.600đ (Hai trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[2]. Về án phí:

Bị đơn hộ ông Đỗ Văn M (gồm ông Đỗ Văn M, bà Đinh Thị Đ và anh Đỗ Hữu H) phải chịu 14.136.930 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (02);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT; tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Tùng**